

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH MIỆN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST

Ngày 15/10/2019

“*V/v: tranh chấp Ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN – TỈNH HẢI DƯƠNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Xuân Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đình Phúc, ông Nguyễn Ngọc Nghiêm.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Đào Quang Khuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện VKSND huyện Thanh Miện tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Diên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 133/2019/TLST-HN/GĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên toà số 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Thanh Đ** - sinh năm 1957

HKTT: thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh H.

- *Bị đơn:* Bà **Trần Thị V** - sinh năm 1960

HKTT: thôn T, xã L, huyện T, tỉnh H.

*Ông Đ có mặt, bà V vắng mặt lần hai không có lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Đ trình bày:*

Trước khi tìm hiểu với bà Trần Thị V, ông đã kết hôn với bà Nguyễn Thị L và có 02 con chung đã trưởng thành, bà L bị bệnh mắt năm 2012, bà V có một đời chồng và sinh được 02 con đã trưởng thành, vợ chồng đã ly hôn. Ông và bà V tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phạm Kha ngày 07-8-2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được 07 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, mỗi người một quan điểm sống khác nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 7/2015, bà V đã bỏ về nhà tại thôn T, xã L, huyện T, vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 07/2015. Nay ông xác định vợ chồng không còn tình cảm, hai bên không liên lạc, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, cuộc

sống hôn nhân không có hạnh phúc, ông xin được ly hôn bà V để ổn định cuộc sống.

- **Quá trình làm việc với Tòa án, bị đơn bà Trần Thị V trình bày:** Về điều kiện, thời gian kết hôn đúng như ông Đ trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng vui vẻ, hòa thuận được 02 ngày đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Đ thường xuyên nhắn tin, điện thoại với người phụ nữ bà không biết tên quê ở thôn Phạm Lâm, xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện. Trong cuộc sống hai vợ chồng không hợp nhau, ông Đ vẫn có biểu hiện quan hệ với người phụ nữ khác do vậy bà không muốn chung sống với ông Đ nữa nên bỏ về nhà bà ở thôn T, xã L từ tháng 7/2015, sau khi bà bỏ về nhà, ông Đ không tìm lần nào, vợ chồng ly thân từ tháng 7/2015 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Ông Đ xin ly hôn là quyền của ông Đ, bà không ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Về con chung:* Ông Đ, bà V đều xác định vợ chồng chưa có con chung.

*Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức:* ông Đ, bà V xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND huyện Thanh Miện tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51; 56 Luật hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Thanh Đ được ly hôn bà Trần Thị V.
- Về con chung: không có.
- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ, bà V không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.
- Về án phí: Ông Nguyễn Thanh Đ thuộc người cao tuổi được miễn án phí.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Quá trình thu thập chứng cứ bà V đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà V không nhận, không hợp tác và không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, tại phiên tòa lần thứ hai bà V vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân:* Ông Nguyễn Thanh Đ và bà Trần Thị V kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phạm Kha ngày 07/8/2014, đây là hôn nhân hợp pháp. Ông Đ xác định sau khi kết hôn ông, bà chung sống không được hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn vì vậy vợ chồng chung sống được 07 tháng mâu thuẫn trở nên trầm trọng, bà V bỏ về nhà ở thôn T, xã L từ tháng 7/2015. Hai bên chính thức ly thân từ tháng 7/2015 không quan tâm đến

cuộc sống của nhau. Lời khai của bà V xác định nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng không chỉ do vợ chồng không hợp nhau mà còn do ông Đ thường xuyên nhả tin, điện thoại với người phụ nữ khác nên bà không muốn chung sống với ông Đ nữa. Nay ông Đ xin ly hôn, bà xác định là quyền của ông Đ nên bà không tham gia hòa giải tại Tòa án, cũng không chấp nhận đoàn tụ với ông Đ chứng tỏ cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Toà án xác minh với Công an xã Lam Sơn, Trưởng thôn, Tư pháp xã Phạm Kha đều xác định bà V có Hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại thôn T, xã L, huyện T, việc mâu thuẫn của vợ chồng, địa phương không nắm được cụ thể, ông, bà chưa có con chung và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đ, xử cho ông Đ được ly hôn bà V là phù hợp quy định tại điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. *Về con chung*: Vợ chồng chưa có con chung.

[2.3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông Nguyễn Thanh Đ, bà Trần Thị V không yêu cầu nên không xét giải quyết.

[2.4]. *Về án phí*: Ông Nguyễn Thanh Đ thuộc người cao tuổi được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về hôn nhân**: Xử cho ông Nguyễn Thanh Đ được ly hôn bà Trần Thị V.

**2. Về con chung**: Không có.

**3. Về tài sản chung, vay nợ chung**: Ông Nguyễn Thanh Đ, bà Trần Thị V không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

**4. Về án phí**: Ông Nguyễn Thanh Đ thuộc người cao tuổi được miễn án phí ly hôn sơ thẩm, hoàn lại ông Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện theo biên lai số: AA/2017/0002954 ngày 06 tháng 8 năm 2019.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Miện;
- Chi cục THA dân sự huyện Thanh Miện;
- UBND xã Phạm Kha;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Bùi Xuân Thành***